



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001\_DH13CK\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

| STT | MA SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký             | Số tờ | D1<br>30% | D2<br>20% | D.Số<br>50% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14138037 | Hồ Mạnh           | A       | <i>[Signature]</i> |       | 9         | 8         | 2,0         | 5,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 13137008 | Vũ Tuấn           | Anh     | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 9         | 5           | 6,1            | 001234567890   | 0234567890 |
| 3   | 13118075 | Vũ Văn            | Anh     | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 8         | 0,5         | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13137011 | Nguyễn Thiện      | Ân      | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 8         | 2,5         | 4,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13118004 | Nguyễn Thái       | Bảo     | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 8         | 4           | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13137015 | Phạm Thái Minh    | Bảo     | <i>[Signature]</i> |       | 9         | 9         | 4,5         | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13118081 | Trần Thế          | Bình    | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 8         | 3,0         | 4,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 14118109 | Đào Hữu           | Cánh    | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 6         | 3,5         | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 14118007 | Vũ Văn            | Cánh    | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 6         | 6           | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13118092 | Phạm Hùng         | Cường   | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 7         | 5           | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13118100 | Trịnh Nguyễn Minh | Duy     | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 7         | 6,5         | 7,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14138007 | Sầm Văn           | Đạo     | <i>[Signature]</i> |       | 9         | 8         | 4           | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14137026 | Đào Minh          | Đạt     | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 9         | 4           | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 14138045 | Nguyễn Thành      | Dật     | <i>[Signature]</i> |       | 8         | 8         | 5,5         | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 13137048 | Nguyễn Văn        | Dũng    | <i>[Signature]</i> |       | 6         | 7         | 1           | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |







Trans 3/3

**Điểm thi học kỳ**

S6 TinCl<sub>2</sub> 2

### Trans 3

| Nedý | Tháng | Năm |
|------|-------|-----|
|      |       |     |

## Cần Bộ Chấm Thi?

Dr.  
Cecil L. Jr.

Nguyen Ha Dong



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM  
Trung tâm KTBĐCL



Mã nhận dạng 204210

Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Máy nông chuyên (207217) - 002\_DH13CK\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>30 % | D2<br>20 % | D.Số<br>50 | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ   |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|------------|------------|------------|----------------|----------------|--------------|
| 1   | 14138072 | Nguyễn Văn   | Nguyễn  | DH14TD |       | 9          | 9          | 6          | 7,5            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 2   | 13118221 | Vũ Văn       | Nguyễn  | DH13CK |       | 6          | 8          | 3,5        | 5,2            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 3   | 14138073 | Nguyễn Thanh | Nhân    | DH14TD |       | 9          | 8          | 4,5        | 6,6            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 4   | 14138021 | Trần Duy     | Nhân    | DH14TD |       | 8          | 6          | 3          | 5,1            | 0001234567890  | 00234567890  |
| 5   | 13118037 | Nguyễn       | Nhân    | DH13CC |       | 8          | 7          | 3          | 5,3            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 6   | 13118230 | Cao Hoàng    | Phu     | DH13CK |       | 8          | 9          | 5          | 6,7            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 7   | 13137106 | Nguyễn Thanh | Phong   | DH13NL |       | 9          | 6          | 4,0        | 3,7            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 8   | 14118050 | Nguyễn Thanh | Phong   | DH14CK |       | 9          | 6          | 4,5        | 6,2            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 9   | 13118039 | Nguyễn Hoàng | Phúc    | DH13CK |       | 8          | 8          | 2          | 5,0            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 10  | 13137110 | Nguyễn Minh  | Phúc    | DH13NL |       | 9          | 8          | 3,5        | 6,1            | 0001234567890  | 00234567890  |
| 11  | 14118221 | Nguyễn Thanh | Phuong  | DH14CK |       | 9          | 9          | 5          | 7,0            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 12  | 14138026 | Nguyễn Thanh | Quang   | DH14TD |       | 8          | 9          | 4,5        | 6,5            | 0001234567890  | 00234567890  |
| 13  | 14138027 | Phạm Văn     | Quang   | DH14TD |       | 6          | 8          | 3,5        | 5,2            | 0001234567890  | 001234567890 |
| 14  | 13118230 | Tu Văn       | Quyen   | DH13CK |       | 7          | 8          | 4          | 5,7            | 0001234567890  | 00234567890  |
| 15  | 13137106 | Nguyễn Đức   | Ran     | DH13NL |       | 7          | 9          | 4,5        | 6,2            | 0001234567890  | 001234567890 |



○●●●○○○○●●●●○○○○○  
Mã nhận dạng 204210

○○○○○○●○  
Trang 2/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Số Tin Ch 2

Môn Học\Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002\_DH13CK\_01

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>30% | D2<br>20% | P.Số<br>30 | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138016 | Ngô Tấn Sang     | DH13TD  |        |       | 8         | 8         | 4,5        | 6,3            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13137119 | Nguyễn Hải Sơn   | DH13NL  |        |       | 8         | 8         | 2,5        | 5,3            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13118257 | Vũ Tuấn Sơn      | DH13CC  |        |       | 9         | 7         | 4,5        | 6,4            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 14138028 | Phạm Văn Sỹ      | DH14TD  |        |       | 6         | 9         | 4,5        | 5,9            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14118062 | Đỗ Văn Tấn       | DH14CK  |        |       | 8         | 8         | 2,5        | 5,3            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138190 | Trần Văn Tấn     | DH13TD  |        |       |           |           |            | ✓              | ●012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 14118249 | Phạm Châu Thanh  | DH14CK  |        |       | 7         | 8         | 2,5        | 5,0            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14138091 | Dương Thanh Thảo | DH14TD  |        |       |           |           |            | ✓              | ●012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14137073 | Nguyễn Thanh Thế | DH14NL  |        |       | 6         | 8         | 4,5        | 5,7            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 14118274 | Trần Văn Thương  | DH14CC  |        |       | 8         | 9         | 6,5        | 7,5            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 14138100 | Nguyễn Văn Tinh  | DH14TD  |        |       | 9         | 8         | 4,5        | 6,6            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13118306 | Nguyễn Chu Toàn  | DH13CC  |        |       | 7         | 7         | 4          | 5,5            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 12118095 | Dương Công Trách | DH12CK  |        |       | 7         | 8         | 4          | 5,7            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 14118287 | Lê Văn Trung     | DH14CC  |        |       | 9         | 8         | 6,5        | 7,6            | ○012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13118319 | Nguyễn Huy Trung | DH13CC  |        |       |           |           |            | ✓              | ●012345678910  | 0123456789 |





Mã nhận dạng 204210

Trang 3/3

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Số Tin C: 2

Môn Học: Nền tảng máy năng chuyên (207217) - 002\_DHI3CK\_01

Ngày Thi

12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp: DH14TD (Kỹ thuật điện khiển và tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>30% | D2<br>20% | B.Số<br>50 | Điểm<br>T. KẾT | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm tự |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 14136109 | Nguyễn Thái  | Trương  |        |       | 5         | 8         | 3          | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 14137006 | Trần Kim     | Tú      |        |       | 8         | 8         | 5,5        | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13118338 | Phạm Minh    | Tuấn    |        |       | 5         | 8         | 5,5        | 5,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13136255 | Phùng Anh    | Vũ      |        |       |           |           |            | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13118353 | Hoàng Đức    | Vũ      |        |       | 8         | 8         | 5,5        | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 36  | 14118314 | Lương Trọng  | Vũ      |        |       | 7         | 7         | 3          | 5,0            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi: 2. Số sinh viên vắng: 4.

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Chân bộ coi thi 1

Chân bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Quang Thang  
Trần Văn Tuấn

Nguyễn Hải Đăng